

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày 10-01-2022
“V/v tranh chấp nợ hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Trần Quốc Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa:
Bà Trần Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, 1971 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp TV, xã PT, huyện PT, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Lưu Diệu H, 1969 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Ông Tô Chí R, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp TP, xã THĐ, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 4 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Trước đây ông có tham gia chơi hụi do bà Lưu Diệu H và ông Tô Chí R làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất mở ngày 30/5/2017 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 37 chung, mỗi tháng khai một lần, ông có tham gia chơi 02 chung. Sau khi

chơi hội ông đóng hội được 31 lần thì bãi hội, số tiền ông R và bà H nợ ông là 62.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai mở ngày 05/01/2018 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, dây hội có 32 chung, mỗi tháng khai một lần, ông có tham gia chơi 02 chung. Sau khi chơi hội ông đóng hội được 23 lần thì bãi hội, số tiền ông R và bà H nợ ông là 46.000.000 đồng.

- Dây hội thứ ba mở ngày 05/6/2018 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, dây hội có 35 chung, mỗi tháng khai một lần, ông có tham gia chơi 02 chung. Sau khi chơi hội ông đóng hội được 18 lần thì bãi hội, số tiền ông R và bà H nợ ông là 36.000.000 đồng.

- Dây hội thứ tư mở ngày 25/7/2029 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng, dây hội có 44 chung, mỗi tháng khai một lần, ông có tham gia chơi 02 chung. Sau khi chơi hội ông đóng hội được 04 lần thì bãi hội, số tiền ông R và bà H nợ ông là 16.000.000 đồng.

Sau khi bãi hội thì giữa ông và bà H có kết hội lại với nhau, số tiền bà H và ông R còn nợ ông là 160.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi bà H viết giấy nợ thì quên ghi vào 02 chung hội 2.000.000 đồng với số tiền 16.000.000 đồng, cho nên giấy nợ hội chỉ ghi 144.000.000 đồng. Sau khi kết nợ hội thì ông R và bà H có trả cho ông được 48.000.000 đồng, số tiền còn lại là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng), bà H và ông R cứ hẹn trả phần nợ còn lại nhưng không thực hiện. Văn bản ghi “hội Đen” ông cung cấp cho Tòa án là do bà Lưu Diệu H tự viết.

Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu ông R và bà H trả lại cho ông số tiền hội còn nợ là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng), không yêu cầu tính lãi hội. Tại phiên tòa ông thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông R và bà H trả lại số tiền ông đã thực đóng là 109.074.000 đồng, trừ đi số tiền bà H và ông R đã trả cho ông là 48.000.000 đồng, số tiền còn lại ông yêu cầu bà H và ông R tiếp tục trả cho ông là 61.074.000 đồng, không yêu cầu tính lãi hội.

Tại biên bản làm việc ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị đơn bà Lưu Diệu H trình bày:

Trước đây bà có làm chủ hội ở địa phương, trong đó ông Nguyễn Văn Đ có tham gia chơi hội của bà, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Mở ngày 30/5/2017 âm lịch loại hội 1.000.000 đồng, dây hội có 37 chung, mỗi tháng khai một lần, ông Đ có tham gia chơi 02 chung. Sau khi ông Đ đóng hội được 31 lần thì bà bãi hội, số tiền bà nợ ông Đ là 62.000.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Mở ngày 05/01/2018 âm lịch loại hội 1.000.000 đồng, dây hội có 32 chưng, mỗi tháng khui một lần, ông Đ có tham gia chơi 02 chưng. Sau khi ông Đ đóng hội được 23 lần thì bà bãi hội, số tiền bà nợ ông Đ là 46.000.000 đồng.

Dây hội thứ ba: Mở ngày 05/6/2018 âm lịch loại hội 1.000.000 đồng, dây hội có 35 chưng, mỗi tháng khui một lần, ông Đ có tham gia chơi 02 chưng. Sau khi ông Đ đóng hội được 18 lần thì bà bãi hội, số tiền bà nợ ông Đ là 36.000.000 đồng.

Dây hội thứ tư: Mở ngày 25/7/2029 âm lịch loại hội 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, ông Đ có tham gia chơi 02 chưng. Sau khi ông Đ đóng hội được 04 lần thì bà bãi hội, số tiền bà nợ ông Đ là 16.000.000 đồng.

Ngày bà bãi hội là ngày 04/12/2019 âm lịch thì tổng số tiền nợ hội bà nợ ông Đ là 160.000.000 đồng. Sau khi bãi hội đến nay bà không nhớ có làm văn bản kết nợ cho ông Đ hay không, tuy nhiên văn bản ông Đ cung cấp cho Tòa án không phải là chữ viết của bà nhưng bà thừa nhận khi bãi hội thì bà còn nợ ông Đ 160.000.000 đồng. Sau đó bà trả cho ông Đ được 48.000.000 đồng, trước đây ông Đ làm việc với Công an có hứa sẽ cho bà 60.000.000 đồng nhưng ông Đ không giữ lời hứa mà khởi kiện yêu cầu bà trả 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng). Nay bà đồng ý trả cho ông Đ số tiền nợ hội còn lại 52.000.000 đồng. Khi ông Đ hứa cho bà thì hai bên không có lập thành văn bản, Công an tỉnh Cà Mau có ghi vào biên bản làm việc không thì bà không biết vì khi đó bà đang bị điều tra về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tiền hội.

Khi bà mở hội thì ông R không biết chỉ một mình bà đứng ra làm chủ hội, số tiền hoa hồng bà nhận được bà sử dụng vào mục đích chi xài trong gia đình, làm vốn nuôi tôm công nghiệp. Hàng tháng thì các hội viên đến nhà bà khui hội thì ông R thấy và biết đến nhà mục đích là để khui hội do bà làm chủ hội.

Đối với ông Tô Chí R và bà Lưu Diệu H, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông R và bà H vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập ông R và bà H để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông R vắng mặt không lý do, bà H có đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ, buộc ông Tô Chí R và bà Lưu Diệu H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ số tiền nợ hui là 61.074.000 đồng.

Về án phí dân sự sở thẩm có giá ngạch: Ông R và bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Đ với bị đơn là bà Lưu Diệu H và ông Tô Chí R là “Tranh chấp nợ hui” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại ấp Tân Phú, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án đã triệu tập ông Tô Chí R và bà Lưu Diệu H hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông R vắng mặt không lý do, bà H có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử vắng mặt đối với ông R và bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án:

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại đơn khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ông Tô Chí R và bà Lưu Diệu H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ số tiền nợ hui là 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng). Tại phiên tòa, ông Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông R và bà H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hui thực đóng là 61.074.000 đồng (Sáu mươi một triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Đ là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông Đ về việc buộc ông Tô Chí R và bà Lưu Diệu H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hui 61.074.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông Đ và bà H đều thống nhất với nhau về số lượng các dây hui, số chân hui của mỗi dây và số tiền hui ông Đ đã đóng cho bà H được thể hiện tại bảng kê khai 08/7/2020 giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Lưu Diệu H, sau khi bãi hui số tiền bà H còn nợ ông Đ là 160.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tình tiết được các bên đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Bà H cho rằng

trước đây ông Đ có hứa cho bà 60.000.000 đồng và bà đã trả cho ông Đ được 48.000.000 đồng, nay bà H đồng ý tiếp tục trả cho ông Đ số tiền 52.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ không thừa nhận có hứa cho bà H số tiền nợ hui 60.000.000 đồng, bà H không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà H. Tại bảng kê khai ngày 07/8/2020 do giữa ông Đ và bà H thể hiện số tiền ông Đ thực đóng cho bà H là 109.074.000 đồng, sau đó bà H và ông R đã trả cho ông Đ được 48.000.000 đồng, số tiền còn lại ông Đ yêu cầu bà H tiếp tục trả cho ông Đ là 61.074.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của ông Đ về việc yêu cầu ông Tô Chí R cùng liên đới với bà Lưu Diệu H trả nợ. Xét thấy bà H trình bày việc bà H mở hui thì ông R biết, số tiền hoa hồng bà được nhận sử dụng vào mục đích chi xài trong gia đình, làm vốn nuôi tằm công nghiệp phát triển kinh tế gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử nhưng ông R đều vắng mặt và không có ý kiến phản đối với yêu cầu của ông Đ. Do đó, việc ông Đ yêu cầu ông R và Hiền cùng liên đới trả số tiền nợ hui là có cơ sở chấp nhận.

Từ các phân tích đánh giá nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Lưu Diệu H và ông Tô Chí R. Buộc bà H và ông R có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền nợ hui là 61.074.000 đồng (Sáu mươi một triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

[3] Về lãi hui: Ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự có giá ngạch buộc ông R và bà H phải chịu là 3.053.500 đồng, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26; 35; 39; 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 288, 357, 471, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ đối với ông Tô Chí R và bà Lưu Diệu H.

Buộc ông Tô Chí R và bà Lưu Diệu H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 61.074.000 đồng (Sáu mươi một triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án, ông R và bà H không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông R và bà H phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Tô Chí R và bà Lưu Diệu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.053.500 đồng (Ba triệu không trăm năm mươi ba nghìn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí, ông Đ có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007536 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tô Chí R và bà Lưu Diệu H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ

